

Bản án số: 142/2026/DS-ST

Ngày 26/5/2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; Hợp đồng ủy quyền”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài.
2. Ông Nguyễn Văn Hết.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý– Kiểm sát viên.

Ngày 21-26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; Hợp đồng ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Anh T**, sinh năm 1985; Đăng ký thường trú: **3 H, phường H, Thành Phố Hồ Chí Minh**. Chỗ ở hiện nay: **140 Đường M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**.

2. Các bị đơn:

- Anh **Đỗ Thành L**, sinh năm 2003 và chị **Đỗ Thị M**, sinh năm 2000; Địa chỉ: **2 ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long**.

- Bà **Đỗ Thị L1**, sinh năm 1954; Địa chỉ: **1 ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Bà **L1** có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Bửu Q**, sinh năm 198; Địa chỉ: **Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Trần Bửu Q**: Bà **Vũ Thị Anh T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **A Đường M, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**.

Bà **T** có mặt; anh **L** và chị **M** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà **Vũ Thị Anh T**, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Trần Bửu Q** trình bày:*

Bà và ông **H** quen biết nhau từ năm 2022 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Năm 2023 ông **H** có tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung với bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long** tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bà tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông **H**. Bản án số 154/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông **H** và bà **C** là vợ chồng
- Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu của ông **H**, buộc bà **C** phải có nghĩa vụ chia cho ông **H** diện tích 1.931,2m² tại tách thửa 169-2, tờ bản đồ số 26 loại đất chuyên trồng lúa nước và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước. Bà **C** được quản lý, sử dụng tách thửa 169-1, loại đất chuyên trồng lúa nước và toàn bộ cây trồng; đường ống nước và căn nhà cấp 4 trên thửa đất 169 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại **ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm nêu trên nên bà **C** kháng cáo. Theo bản án số 49/2024/HNGĐ-PT ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 154/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời gian ông **H** khởi kiện bà **C** thì bà có cho ông **H** vay tiền các lần, cụ thể:

1. Ngày 01/11/2023 ông **H** có vay của bà 100.000.000 đồng, thời hạn trả 01/01/2025 nếu không trả đúng hạn như trên ông **H** sẽ chịu lãi suất 10%/ năm. Nếu sau ngày 01/01/2028 ông **H** vẫn chưa trả đủ số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi cho bà, nếu không may ông **H** qua đời trước khi trả hết nợ cho bà thì con của ông **H** là **Đỗ Thị M** và **Đỗ Thành L** có trách nhiệm trích tiền từ tài sản thừa kế ông **H** để lại để trả tiền cho bà. Ngày 09/01/2025 ông **H** thực hiện trả nợ lần đầu 4.000.000 cho bà bằng cách chuyển khoản. Bà đồng ý khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng vào nợ gốc nên khoản vay này ông **H** còn nợ bà 96.000.000 đồng.

2. Ngày 23/11/2024 ông **H** có vay của ông **Trần Bửu Q** số tiền là 70.000.000 đồng. Các bên có làm “Giấy mượn tiền”, có nội dung: hàng tháng vào ngày 23 dương lịch ông **H** sẽ chuyển khoản trả lãi cho ông **Trần Bửu Q** số tiền là 1.250.000 đồng qua số tài khoản 100874927377 **Viettinbank T**. Đến ngày 23/11/2025 ông **H** sẽ trả tiền gốc 70.000.000 đồng cho ông **Trần Bửu Q**, chấm dứt khoản vay nợ này. Thực tế đây số tiền 70.000.000 đồng là của bà đưa cho ông **Q** để ông **Q** đứng ra cho ông **H** vay nên ngày 23/11/2024 bà với ông **H** lập văn bản “Giấy xác nhận và thỏa thuận” có nội dung: Ông **Q** có nhận của bà 70.000.000 đồng của bà để cho ông **H** vay, để tránh việc ông **H** biết là tiền của bà nên ông **Q** chỉ đứng tên làm giấy cho ông **H** vay 70.000.000 đồng, bà chỉ là người làm chứng. Bà trả thù lao cho ông **B** 5.000.000 đồng. Đối với khoản vay này ông **H** chưa trả vốn nhưng có trả lãi vào ngày 23/12/2024 là 1.250.000 đồng.

3. Ngày 29/11/2023 và 18/11/2024, ông H thỏa thuận sẽ trả thù lao cho bà giá trị của 500m² của một phần thửa đất số 169-2 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long trên đó gồm có toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước tại diện tích 169-2 là 1.931,2 m². Theo biên bản định giá của hội đồng định giá huyện V, tỉnh Vĩnh Long thửa đất trên có giá trị là 350.000.000/công/1000m² tại thời điểm ngày 03/04/2024. Thù lao trên là do bà giúp ông H soạn thảo toàn bộ hồ sơ khởi kiện, cho mượn tiền mua điện thoại để quay hình và ghi âm các cuộc nói chuyện giữa ông H và bà C, cho mượn tiền đóng án phí và tất cả các chi phí trong quá trình khởi kiện, cho mượn tiền thuê luật sư, thu thập tài liệu chứng cứ khởi kiện, đi tìm kiếm và gặp gỡ các nhân chứng để thu thập chứng cứ và mời họ đến tòa án làm chứng, đóng án phí và tham gia hòa giải, tham gia tố tụng trong vụ án. Hợp đồng được thực hiện qua nói chuyện trực tiếp giữa ông H và bà có ghi âm lại, đã được lập vi bằng khi bà gửi đoạn ghi âm này qua zalo cho con của ông H là anh Đỗ Thành L nghe.

4. Ngày 21/10/2024, 23/10/2024 và ngày 24/11/2024 ông H mượn tiền của bà chuyển khoản cho luật sư Dương Thùy T1 thuộc đoàn luật sư tỉnh V để bà T1 cùng với bà giúp ông H tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/12/2024 (dời lại vào ngày 27/12/2024) tại tòa án Vĩnh Long. Số tiền 45.000.000 đồng (ba lần chuyển khoản, mỗi lần 15.000.000 có sao kê). Hợp đồng đã được thực hiện: thông qua chuyển khoản ngân hàng và qua nói chuyện trực tiếp giữa ông H và bà có ghi âm lại, đã được lập vi bằng khi bà gửi đoạn ghi âm này qua zalo cho con của ông H là anh Đỗ Thành L nghe.

Nguyên nhân tranh chấp: Tháng 04/2023 ông H làm giấy chứng nhận độc thân để kết hôn cùng bà và cùng chung sống như vợ chồng với bà tại thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 11/2023 ông H nhờ bà khởi kiện đòi 1/2 diện tích thửa đất số 169 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước trên thửa đất đó. Ông H mượn bà tổng cộng 215.000.000 đồng để làm chi phí lo vụ án có kí tên, lẫn tay. Bà ngoài tiền có sẵn, bà còn phải vay quỹ cep 40.000.000 để cho ông H mượn. Ngày 20/10/2024 ông H chở bà về Bến Tre để mượn mẹ của ông H 02 trong số 07 sổ đỏ để ông H mang lên Thành phố Hồ Chí Minh cầm sổ vay 150.000.000 đồng nhưng không vay được.

Ông H hứa đợi sau khi bán đất ở Vĩnh Long sẽ lập tức trả hết nợ gốc và lãi và thù lao cho bà. Ngày 13/01/2025 ông H đã chết do tai nạn giao thông khi chưa thực hiện trả hết các khoản nợ, lãi, thù lao cho bà. Ông H không để lại di chúc. Ngày 22/01/2025 bà đã thông báo với ông L là con của ông H về việc ông H còn mắc nhiều khoản nợ chưa trả trước khi chết.

Ngày 23/01/2025 bà gửi cho anh L giấy ông H mượn ông Q 70.000.000 đồng và hình chụp ông H mới trả lãi cho ông Q tháng đầu tiên 1.250.000 đồng vào ngày 23/12/2024 và hôm nay 23/01/2025 là đến hạn trả lãi tháng thứ hai. Tuy nhiên ông L trả lời rằng bà là người làm chứng ông Q cho ông H vay thì bà trả đi. Ông L không chịu trả thay cho ông H.

Ngày 12/02/2025 theo yêu cầu của ông L, bà về tận nhà ông H tại Bến Tre, gặp đầy đủ hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm 2 con của ông H là anh L, chị M và mẹ ông H là bà L1. Ông H không có cha, ông H theo họ mẹ, có sự chứng

kiến của em gái út của ông H (Đỗ Thị Hồng L2) và cậu út của ông H, bà đã đưa ra toàn bộ các giấy ông H mượn nợ của bà và ông Q, các giấy chuyển khoản bà chuyển cho luật sư T1 và mở đoạn ghi âm ông H xác nhận có mượn nợ và thỏa thuận trả thù lao cho bà đã giúp ông H khởi kiện thắng trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình và chia tài sản chung thừa đất tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho tất cả cùng nghe. Bà còn nhắc lại và cho xem các hình tin nhắn, các hình ảnh chụp các sổ đỏ,... việc gia đình ông H biết rất rõ trong đợt xử sơ thẩm ông H mượn tiền của bà 100.000.000 đồng những tin nhắn gia đình ông H không ai cho mượn tiền nên mới mượn tiền bà, có em gái của ông H là Đỗ Thị Hồng L2 nhắn tin cho bà kêu để bà L2 hỏi dùm mượn tiền của M1 là cháu ông H nhưng bà L2 không cho mượn, cuối cùng bà nhắn cho bà L2 bà sẽ mượn tiền ở trường của bà 50.000.000 đồng và tổng chi phí xử sơ thẩm hết 100.000.000 đồng, bà L2 chỉ cho mượn 3.000.000 đồng và bà đã trả, đợt xử phúc thẩm ông H cần mượn 150.000.000 đồng nên ngày 20/10/2025 đã chở bà về Bến Tre gặp trực tiếp bà L2 và mẹ ông H là bà L1, bà L1 mang ra 07 sổ đỏ cho bà xem, sau đó đưa cho bà 02 sổ đỏ mang về thành phố Hồ Chí Minh để đi vay mượn. Tuy nhiên 02 sổ đỏ này đứng tên bà L1 nên ông H không vay mượn được. Cuối cùng bà tiếp tục giúp cho ông H mượn tổng 115.000.000 đồng và thương lượng với luật sư T1 để giảm chi phí từ 150.000.000 đồng xuống còn 130.000.000 đồng với lời hứa bà T1 sẽ giúp làm ra sổ đỏ đứng tên ông H luôn. Ông H không phải tự đi thực hiện quá trình thi hành án nữa. Bà thỏa thuận với hàng thừa kế thứ nhất của ông H để bà giúp làm ra sổ đỏ đứng tên những người thừa kế thừa đất ở Vĩnh Long sau đó họ bán đi và trả cho bà tổng 350.000.000 đồng nhưng họ nói họ bỏ, không lấy đất ở Vĩnh Long và cũng không đồng ý trả nợ, bà L1 mẹ ông H thì kêu bà bán xe ô tô để trả nợ nhưng bà không đồng ý, bà nói xe này giờ chỉ bán được 80.000.000 đồng thôi nhưng đây là xe của bà mua, không phải xe ông H mua.

Ngày 14/02/2025 bà tiếp tục nhắn tin qua zalo cho ông L nêu rõ thỏa thuận, đồng thời gửi tất cả hình ảnh ông H vay mượn tiền, gửi file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và bà về vấn đề bán đất ở Vĩnh Long để trả nợ và trả thù lao cho bà nhưng anh L không trả lời.

Ngày 21/03/2025 ông L, bà M, bà L1 nhận chuyển phát qua bưu điện đơn khởi kiện đòi nợ và các giấy tờ ông H vay mượn nợ của bà.

Tại phiên tòa bà trình bày: Trước đó bà có mang thai với ông H nhưng khoảng 05 tuần tuổi thì thai nhi chết nên bà với ông H không có con chung.

Ông H không có con nuôi, con riêng, ông H chết không để lại di chúc; người thừa kế của ông H là bà L1, anh L và chị M; Ông H không còn di sản nào khác ngoài thừa đất số 169 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Do ông H chết nên thừa đất số 169 tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long đến nay vẫn chưa thi hành án. Tổng số tiền bà cho ông H vay là 215.000.000 đồng, ông H đã sử dụng cho các khoản như sau: trả phí cho luật sư Dương Thị Thùy T1 ở tỉnh Vĩnh Long là 130.000.000 đồng (trong đó có 115.000.000 đồng là vay của bà, 15.000.000 đồng là tiền của ông H); ông H đưa cho bà 100.000.000 đồng, số tiền này bà đã chi cho các khoản: chi phí đi lại của bà từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Vĩnh Long và ngược lại; mua điện thoại để ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H với bà C; chi phí tư vấn; chi trả tiền cho người làm chứng do họ xin nghỉ làm, chi phí đi tìm tài liệu, chứng cứ, người làm chứng.

Do tất cả bà đều chỉ trả bằng tiền mặt nên không có chứng cứ để giao nộp cho Tòa án nhưng ông H biết rất rõ. Trong thời gian quen biết với ông H, bà với ông H không sống chung nhà, chỉ qua lại với nhau, ông H biết điều khiển xe ô tô, để thuận tiện cho việc đi lại cho các con của bà nên bà có mua chiếc xe là 200.000.000 đồng, ông H có cho bà 30.000.000 đồng, xe do bà mua nên bà đứng tên. Sau khi ông H chết, xe để quá lâu không sử dụng, bị hư hỏng, bà không biết sử dụng xe nên bà bán với số tiền 100.000.000 đồng nhưng đến nay bà chưa chuyển quyền cho người mua. Bà không thừa nhận lời trình bày của bà L1 và chị M cho rằng chiếc xe là của ông H mua. Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chiếc xe đã bán. Lý do bà yêu cầu bà L1, anh L và chị M trả thù lao cho bà 200.000.000 đồng: Do ông H học mới lớp 7 thì nghỉ không biết thủ tục khởi kiện, ông H không nhớ gì về việc tạo lập tài sản chung với bà C nhưng anh H rất sĩ diện là phải thắng kiện bà C nên bà phải nhận ủy quyền của ông H để làm thay tất cả các thủ tục khởi kiện thay cho ông H, bà rất vất vả khi đi tìm chứng cứ và thuê luật sư giỏi. Giá đất thửa 169 được định giá là 350.000.000 đồng nên tại cuộc ghi âm giữa bà với ông H thì ông H có thừa nhận là sau khi kết thúc vụ án bán để trả nợ cho bà còn lại thì chia đôi nên bà ước tính giá trị của diện tích 1.931,2m² khoảng 700.000.000 đồng, sau khi trả các khoản nợ cho bà thì còn khoảng hơn 400.000.000 đồng nên bà yêu cầu chia đôi là 200.000.000 đồng. Đối với việc lập vi bằng cuộc hội thoại của bà với ông H hứa chia đôi giá trị sau khi ông H bán được đất là: bà ghi âm bằng điện thoại của bà rồi bà sao chép qua USB rồi đưa USB cho Văn phòng T2 lập vi bằng. Số tiền 215.000.000 đồng bà giao tiền mặt cho ông H 170.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/11/2023 và ngày 23/11/2024; còn 45.000.000 do bà trực tiếp chuyển khoản cho bà T1 nên giữa bà với ông H không có lập biên nhận hay hợp đồng vay. Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa bà T1 với ông H trước đây do ông H giữ, sau khi ông H chết thì anh L giữ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H là ông L, bà M và bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền là 442.794.000 đồng, bao gồm:

1. Nợ gốc là 211.000.000 đồng;

2. Nợ lãi:

- Số tiền 96.000.000 đồng x 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/5/2025 là 13.280.000 đồng.

- Số tiền 70.000.000 đồng x 20%/năm, tính từ 23/01/2025 đến ngày 21/5/2025 là 18.514.533 đồng

- Đối với số tiền 45.000.000 đồng mà bà chuyển khoản cho bà T1 thì bà không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả 45.000.000 đồng. Việc này là do bà tự nguyện.

3. Bà yêu cầu bà L1, anh L và chị M phải có nghĩa vụ liên đới trả thù lao cho bà là 200.000.000 đồng;

Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2026 bà Đỗ Thị L1 trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông H. Bà không nhớ cha của anh H là ai, ở đâu, còn sống hay chết bà cũng không biết, bà chỉ nhớ trước đây cha của ông H sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Do khi bà mang thai ông H khoảng 03 tháng thì bà với

cha của ông H không còn sống chung cho đến nay. Bà và cha của ông H không có đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó, đến nay bà hoàn toàn không có tin tức gì về cha của ông H, giấy khai sinh của ông H không có tên cha, khai sinh của anh H do bà tự khai.

Ông H có vợ là bà H1. Ông H và bà H1 có 02 người con chung là Đỗ Thành L và Đỗ Thị M. Ông H và bà H1 đã ly hôn. Sau khi ly hôn với bà H1 thì ông H không có đăng ký kết hôn với ai. Ông H không có con riêng, con nuôi. Trước đây ông H đi làm ăn xa khoảng hơn 20 năm nay, cách nay khoảng 02 năm thì ông H có về thăm bà, đến tháng 12/2024 thì ông H chết. Bà không biết việc tranh chấp giữa ông H với bà C. Khi ông H còn sống có vài lần đưa bà T về nhà bà, có giới thiệu bà T là bạn của ông H chứ không phải là vợ của ông H. Bà không nghe ông H nói là có vay mượn tiền của bà T. Sau khi ông H chết thì bà T thông báo là ông H có vay mượn tiền của bà T và yêu cầu gia đình bà trả nhưng gia đình bà không đồng ý do bà không có liên quan gì đến tài sản của ông H. Hiện ông H không có tài sản gì ở địa phương. Trước đây bà có đưa cho ông H 148.000.000 đồng để mua xe du lịch, do ông H mua xe cũ mà ông H ở khác tỉnh nên không đứng tên được nếu chuyển tên thì phải chịu thuế rất cao nên bà T đứng tên dùm cho ông H. Sau khi ông H chết thì bà T nói là ông H vay tiền của bà T nếu gia đình bà không trả thì bà T bán chiếc xe. Trong vụ án này bà không tranh chấp hay yêu cầu gì về chiếc xe mà bà T đã bán, bà cũng không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai. Bà không đồng ý liên đới với anh L và chị M để trả nợ theo yêu cầu của bà T do bà không liên quan đến việc vay mượn của ông H và bà T. Bà không liên quan gì đến tài sản của ông H ở huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Do bà lớn tuổi, việc đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2025, 10/12/2025 anh Đỗ Thành L và chị Đỗ Thị M trình bày: Chúng tôi không thừa nhận các hợp đồng vay mà bà T cung cấp. Vì vậy, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2025 chị Đỗ Thị M trình bày: Thời gian chung sống ông H có mua 01 chiếc xe ô tô do sống chung nên ông H để bà T đứng tên, bà T thừa nhận qua tin nhắn là xe đó có công lao của ông H. Như vậy tài sản chung của ông H và bà T là chiếc xe, chị có phần được chia, chiếc xe hiện bà T đã bán. Bà T cũng được hưởng không ít tiền từ ông H, bà T thừa nhận qua tin nhắn là ông H có mua sợi dây chuyền PNJ và đưa 40.000.000 đồng để mua điện thoại và đưa cho bà T 100.000.000 đồng trong thẻ ngân hàng của ông H để bà T sử dụng. Ông H và bà T sống chung nếu phát sinh nợ thì đó là nợ chung. Chị không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo giấy xác nhận và thỏa thuận ngày 23/11/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Bửu Q trình bày: Hôm nay ngày 23/11/2024 ông

có nhận 70.000.000 đồng của bà T và tối nay cùng ngày 23/11/2024 ông sẽ thay mặt bà T đưa cho ông H mượn 70.000.000 đồng và hàng tháng vào ngày 23 dương lịch ông H phải chuyển khoản trả tiền lãi 1.250.000 đồng cho ông, sau đó ông sẽ đưa số tiền lãi này cho bà T, để tránh việc ông H biết 70.000.000 đồng là của bà T nên ông đứng tên làm giấy cho ông H vay khoản tiền này, bà T chỉ là người làm chứng. Ông xác nhận và thỏa thuận khi ông H trả nợ gốc 70.000.000 đồng cho ông thì cùng ngày ông sẽ đưa lại cho bà T. Ông nhận 5.000.000 đồng tiền thù lao.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đỗ Thị L1, anh Đỗ Thành L và chị Đỗ Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T trong phạm vi di sản do ông Đỗ Ngọc H để lại, cụ thể:

- Hợp đồng thứ nhất là 96.000.000 đồng và lãi suất 2.191.780 đồng.
- Hợp đồng thứ hai là 70.000.000 đồng và lãi suất 2.416.666 đồng.
- Tổng cộng nợ gốc là 166.000.000 đồng và nợ lãi là 4.608.666 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, bao gồm:

- Yêu cầu thanh toán số tiền thù lao nhận ủy quyền khởi kiện quy đổi trị giá 200.000.000 đồng.
- Yêu cầu thanh toán số tiền mượn chi trả cho luật sư là 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; Hợp đồng ủy quyền” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn bà Đỗ Thị L1, anh Đỗ Thành L3 và chị Đỗ Thị M cư trú tại ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025) vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9–Vĩnh Long.

[3] Về tố tụng:

- Bà **Đỗ Thị L1** có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **L1**.

- Anh **Đỗ Thành L** và chị **Đỗ Thị M** đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh **L** và chị **M** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **L** và chị **M**.

[4] Về nội dung vụ án:

- Bà **T** yêu cầu bà **L1**, anh **L** và chị **M** phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà **T** số tiền như sau: Nợ gốc tiền vay là 211.000.000 đồng và nợ lãi là 31.794.533 đồng (của số tiền nợ gốc là 166.000.000 đồng). Tiền thù lao nhận ủy quyền là 200.000.000 đồng,

- Bà **L1**, anh **L** và chị **M** không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Theo bà **L1**, bà không có liên quan gì đến tài sản của ông **H**, bà không biết việc vay, mượn giữa bà **T** với ông **H** nên bà không đồng ý liên đới với anh **L** và chị **M** để trả nợ theo yêu cầu của bà **T**.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[5.1] Theo Giấy khai sinh ngày 11/01/1999 của ông **H** do Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Vĩnh Long cung cấp: Ông **H** có mẹ là bà **Đỗ Thị L1**, sinh năm 1954, nơi cư trú: xã **A**, huyện **T**, tỉnh **Bến Tre** và cha là ông **Lưu Văn V**, nơi cư trú: chết.

[5.2] Ngày 17/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 35/2023/QĐST-HNGĐ để công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông **Đỗ Ngọc H** và bà **Huỳnh Thị H1**. Nội dung quyết định: Ông **H** và bà **H1** thuận tình ly hôn. Do con chung anh **Đỗ Thành L** và chị **Đỗ Thị M** đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5.3] Tại phiên tòa bà **T** thừa nhận, bà với ông **H** không có con chung, không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Bà cam kết hàng thừa kế thứ nhất của ông **H** chỉ có bà **L1**, anh **L** và chị **M**. Ông **H** không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông **H** không có đăng ký kết hôn với ai. Ông **H** không còn di sản nào khác, ông **H** chết không để lại di chúc. Bà **L1** cũng thừa nhận, hàng thừa kế của ông **H** chỉ có bà, anh **L** và chị **M**. Căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông **H** hiện nay có 03 người là: bà **L1**, anh **L** và chị **M**.

[5.4] Về di sản thừa kế: Theo bản án số 49/2024/HNGĐ-PT ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên xử: ông **H** được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.931,2m² tại thửa 169-2, tờ bản đồ số 26 loại đất chuyên trồng lúa nước và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước tọa lạc ấp **Q**, xã **Q**, huyện **V**, tỉnh **Vĩnh Long**.

[5.5] Ngày 22/01/2025 ông **H** chết. Ngày 06/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý vụ án. Căn cứ theo Điều 614 của Bộ luật Dân sự quy định “*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”. Do ông **H** chết không để lại di chúc nên những người thừa kế có quyền, nghĩa vụ về tài sản do ông **H** để lại. Trước thời điểm ông **H** chết thì bản án số 49/2024/HNGĐ-

PT ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do giữa các bị đơn không có bất kỳ thỏa thuận nào nên những người hưởng thừa kế bao gồm bà **L1**, anh **L** và chị **M** phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông **H** để lại theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[5.5] Theo văn bản số 62/CV-PTHADS(4) ngày 13/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Vĩnh Long xác nhận: Chi Cục Thi hành án huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4) đã thụ lý đơn yêu cầu thi hành án ngày 18/6/2025 của bà **Vũ Thị Anh T** (Đại diện theo ủy quyền của ông **Đỗ Ngọc H**, sinh năm 1977, Địa chỉ: **ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre**) và ban hành Quyết định thi hành án số 1385/QĐ.CCTHADS ngày 20/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Các khoản phải thi hành: “Buộc bà **Nguyễn Thị C** có nghĩa vụ chia cho ông **Đỗ Ngọc H** diện tích 1.931,2m² thuộc tách thửa 169-2, tờ bản đồ số 26 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc **ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**. Ông **Đỗ Ngọc H** được quyền quản lý, sử dụng tách thửa 169-2 diện tích 1.931,2m² tờ bản đồ số 02 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc **ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**. Ông **Đỗ Ngọc H** được sở hữu toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước trên tách thửa 169-2 (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/4/2024 và ngày 12/9/2024 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện V**). Qua xác minh được biết ông **Đỗ Ngọc H** (chết) theo trích lục khai tử 03/2025/TLKT ngày 22/01/2025 của **UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre**. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2015, 2025); Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định thu hồi Quyết định thi hành án số 50/QĐ-THADS ngày 25/9/2025 không thể tổ chức thi hành án theo quy định.

[7] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông **H** và bà **T**, thấy rằng: Ngày 01/11/2023 ông **H** có vay của bà **T** số tiền là 100.000.000 đồng; thời hạn trả 01/01/2025. Các bên có làm giấy mượn tiền, ngày 09/01/2025 ông **H** có trả cho bà **T** 4.000.000 đồng, số tiền còn lại là 96.000.000 đồng. Ngày 23/11/2023 ông **H** vay của ông **Q** 70.000.000 đồng; lãi suất 1.250.000 đồng/tháng; ngày trả 23/11/2025. Theo ông **Q** số tiền 70.000.000 đồng là của bà **T** chứ không phải của ông **Q**. Thực hiện hợp đồng ông **H** có chuyển khoản trả lãi cho bà **T** 1.250.000 đồng. Xét thấy: Việc vay các khoản tiền nêu trên giữa bà **T** với ông **H**, giữa ông **Q** với ông **H** các bên có lập giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ các bên. Tại Kết luận giám định số 394/KL-KTHS-KV2 ngày 05/01/2026 của **Phòng K Công an tỉnh V** kết luận: “...Chữ ký, chữ viết mang tên “**Đỗ Ngọc H**” dưới mục “*Người mượn tiền*” trên mẫu cần giám định so (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết mang tên “**Đỗ Ngọc H**” dưới mục “*BÊN ỦY QUYỀN*” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một người ký ra. Dấu vân tay dưới chữ ký, chữ viết “**Đỗ Ngọc H**” dưới mục “*Người mượn tiền*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với dấu vân tay dưới chữ ký, chữ viết mang tên “**Đỗ Ngọc H**” dưới mục “*BÊN ỦY QUYỀN*” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là của cùng một người...”. Hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập bằng văn bản, khi ký hợp đồng các bên có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng phát sinh hiệu lực. Như vậy, có căn cứ

khẳng định khi còn sống ông H có vay của bà T số tiền là 166.000.000 đồng. Do ông H chết nên căn cứ Điều 615, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và sự thừa nhận của các đương sự thì hàng thừa kế của ông H là bà L1, anh L và chị M nên bà L1, anh L và chị M phải có trách nhiệm thực nghĩa vụ do ông H để lại. Lẽ đó, việc bà T yêu cầu bà L1, anh L và chị M có nghĩa vụ liên đới trả cho T số tiền nợ gốc là 166.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Bà T yêu cầu bà L1, anh L và chị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T nợ lãi là 31.794.533 đồng. Xét thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2025 và tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2025 bà T yêu cầu bà L1, anh L và chị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T nợ lãi phát sinh của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2025 đến 21/3/2025 và nợ gốc 70.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2024 đến ngày 21/3/2025, tổng cộng là 4.608.446 đồng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà L1, anh L và chị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T nợ lãi phát sinh của số tiền nợ gốc 166.000.000 đồng và nợ lãi là 31.794.533 đồng. Xét thấy: yêu cầu này của bà T là vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu trả lãi của bà T, cụ thể: số tiền lãi của nợ gốc 96.000.000 đồng là 2.191.780 đồng và nợ lãi của nợ gốc 70.000.000 đồng là 2.416.666 đồng, tổng cộng là 4.608.446 đồng.

[9] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà L1, anh L và chị M phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà T nợ gốc 45.000.000 đồng mà bà T 03 lần chuyển khoản cho bà T1 vào các ngày 21/10/2024, 23/10/2024 và ngày 24/11/2024. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận số tiền này ông H vay của bà nhưng bà là người trực tiếp chuyển khoản từ tài khoản của bà sang cho bà T1, giữa bà với ông H không có làm giấy tờ gì thể hiện ông H có vay của bà số tiền 45.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà có giao nộp bản sao kê 03 lần bà chuyển khoản cho bà T1, tin nhắn thể hiện anh ông H chuyển khoản cho bà T1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp và lời trình bày nêu trên của bà T thì bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H có vay của bà số tiền 45.000.000 đồng nên yêu cầu này của bà T là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[10] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà L1, anh L và chị M phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền thù lao khởi kiện thửa đất 169-2 tờ bản đồ số 26 tại ấp Q, V, Vĩnh Long số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình khởi kiện bà T có cung cấp Vi bằng số 359/2025/VB-TPL ngày 31/3/2025 của Văn phòng T2 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình (Bút lục 91). Tuy nhiên, qua xem xét nội dung File ghi âm do Văn phòng T2 xác nhận “... Tên (G nói) của những người nói hoặc xuất hiện trong các file ghi âm do bà Vũ Thị Anh T đối chiếu và xác định. Sau khi nghe chi tiết F ghi âm bà T xác định và cho biết giọng nam trong File ghi âm là giọng nói của ông Đỗ Ngọc H, giọng nữ trong file ghi âm là giọng nói của bà T. Chi tiết nội dung trong File ghi âm mang tên “Chia đất và trả nợ”: “Ông H: Tiền đất thì trừ cái tiền này kia ra trả lợi, tiền đất tiền này kia tiền mình vay tiền mượn này kia nợ, anh trừ ra hết, rồi con bao nhiêu anh bán cho em phân nữa, anh phân nữa, rồi xong, khỏi phải suy nghĩ gì hết.”; “... Bà T: Ờ, mất phân nữa rồi, thì coi như ví dụ như bán ra còn lại là được ba trăm triệu đúng không? Ông H: Ừa,

thì đưa trăm rưỡi. Bà **T**: đưa trăm rưỡi, bán được năm trăm triệu thì đưa hai trăm rưỡi. Ông **H**: Vậy thôi anh chả có phải suy nghĩ gì...”. Căn cứ vào nội dung File ghi âm nêu trên không có nội dung nào thể hiện ông **H** hứa trả thù lao cho bà **T** 200.000.000 đồng nếu thắng vụ án tranh chấp giữa ông **H** với bà **C**. Ông **H** chỉ hứa nếu bán được đất sau khi trừ các khoản nợ còn bao nhiêu sẽ chia cho bà **T** phần nữa nhưng không nói rõ là số tiền bao nhiêu. Hơn nữa, bà **T** cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh được giọng nói trong file ghi âm là giọng nói của ông **H**. Các hợp đồng ủy quyền mà bà cung cấp không có nội dung nào thể hiện ông **H** phải trả thù lao cho bà là 200.000.000 đồng, việc ủy quyền giữa bà với ông **H** có đề cập nhưng có nội dung là “Thù lao ủy quyền: Không”. Đồng thời, hiện nay bản án số 19/2024/HNGĐ-PT ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đến nay vẫn chưa thi hành án được. Lẽ đó, việc bà **T** yêu cầu bà **L1**, anh **L** và chị **M** phải liên đới trả cho bà **T** 200.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Do các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chiếc xe mà bà **T** đã bán nên không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[11] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **T** có nộp tạm ứng số tiền 3.700.000 đồng để giám định chữ viết, chữ ký, vân tay của ông **H**. Do yêu cầu của bà **T** được chấp nhận nên bà **L1**, anh **L** và chị **M** phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này cho bà **T**.

[12] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà **L1** là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Anh **L** và chị **M** phải nộp án phí theo quy định.

[14] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 562, 612, 613, 614, 615, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị Anh T**. Buộc bà **Đỗ Thị L1**, anh **Đỗ Thành L** và chị **Đỗ Thị M** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **T** số tiền như sau: Nợ gốc là 166.000.000 đồng; nợ lãi là 4.608.446 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của ông **Đỗ Ngọc H** để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà **Vũ Thị Anh T** về việc buộc bà **Đỗ Thị L1**, anh **Đỗ Thành L** và chị **Đỗ Thị M** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **T** số tiền là 45.000.000 đồng và tiền thù lao khởi kiện là 200.000.000 đồng.

3. Do các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chiếc xe mà bà **T** đã bán nên không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà **Vũ Thị Anh T** đã nộp số tiền 3.700.000 đồng. Do bà **T** đã nộp xong nên buộc các bà **L1**, anh **L** và chị **M** phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà **T** số tiền 3.700.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do bà **Đỗ Thị L1** là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.
- Anh **Đỗ Thành L** và chị **Đỗ Thị M** phải liên đới nộp là 5.810.281 đồng.
- Bà **Vũ Thị Anh T** phải nộp là 12.450.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.392.000 theo biên lai thu số 0012363 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, số tiền còn lại bà **T** phải nộp là 2.058.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

